

Số: **91** /CBTT-HHC

Nghệ An, ngày **02** tháng 3 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na**

Trụ sở chính: Tầng 9 Toà nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung,
phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 02383.588.766

Fax : 02383.588.767

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Xuân Sơn

Chức vụ : Phó Giám đốc

Địa chỉ : Khối 6, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 0983552266

Loại thông tin công bố: 24h; 72h; Yêu cầu; Bất thường; Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết và Biên bản họp Hội đồng quản trị về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na (đính kèm).

Nghị quyết và Biên bản họp Hội đồng quản trị về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://huana.com.vn> mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



**Người thực hiện công bố thông tin
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn

Nghệ An, ngày 02 tháng 03 năm 2020

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.
Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 Quang Trung, thành phố Vinh, Nghệ An.
Giấy chứng nhận ĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 ngày 16 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29 tháng 12 năm 2016.
Thời gian họp : 08 giờ 00 phút, thứ 2 ngày 02 tháng 03 năm 2020
Địa điểm họp : Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

I. THÀNH PHẦN DỰ HỌP:

1. Thành viên Hội đồng quản trị

- Ông Hoàng Xuân Thành : Chủ tịch HĐQT
- Ông Trịnh Bảo Ngọc : Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Xuân Sơn : Thành viên HĐQT
- Ông Lê Hải Long : Thành viên HĐQT
- Ông Vũ Văn Tâm : Thành viên HĐQT

2. Đại diện Ban Kiểm soát:

- Bà Trần Thị Thu Hà : Trưởng Ban kiểm soát

3. Thư ký cuộc họp:

- Ông Hoàng Văn Tuấn : Thư ký Công ty

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, căn cứ Điều lệ Công ty và Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2019, HĐQT Công ty được triệu tập họp lệ, có 05/05 thành viên HĐQT Công ty tham dự cuộc họp. HĐQT Công ty tiến hành họp, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung dưới đây:

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP:

1. Thông qua triển khai Phương án phát hành 10.000.000 cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019, chi tiết như sau:

Ông Hoàng Xuân Thành – Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày trước toàn thể cuộc họp nội dung về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Cụ thể:

1. Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
2. Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
3. Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành	225.659.210 cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	225.659.210 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	10.000.000 cổ phiếu
7. Tỷ lệ phát hành/khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,43%
8. Đợt phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động gần nhất	Không có
9. Giá phát hành	Giá phát hành áp dụng theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Thông tư số 162/2015TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ tài chính, cụ thể: Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu Căn cứ tính giá: Giá trị sổ sách cổ phiếu HNA tại thời điểm 30/09/2019 là: 11.511 đồng/cổ phiếu (lấy theo báo cáo tài chính quý 3/2019) Thị giá của cổ phiếu HNA (Upcom) tính đến hết ngày 31/10/2019 dao động ở mức (tính trung bình giá đóng cửa): 12.195 đồng/cổ phiếu Với những phương pháp tính giá nêu trên đều cho kết quả giá trị cổ phiếu lớn hơn hoặc bằng mệnh giá cổ phiếu (10.000 đồng/cổ phiếu).

	Tuy nhiên đây là phát hành ESOP, để khích lệ và tạo sự gắn bó của Cán bộ, NLD và nâng cao khả năng phát hành thành công, HĐQT đề xuất ĐHCĐ thông qua mức giá chào bán cho Cán bộ, NLD là 10.000 đồng/ cổ phiếu.
10. Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá	100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng)
11. Đối tượng phát hành	- Cán bộ, NLD của Công ty và các thành viên HĐQT, BKS Công ty theo tiêu chí và danh sách được HĐQT phê duyệt. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt tiêu chí và danh sách Cán bộ, NLD, thành viên HĐQT, BKS được mua cổ phiếu chính thức.
12. Thời gian thực hiện dự kiến	Trong Quý I/2020 sau khi được UBCKNN chấp thuận.
13. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	Không được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu
14. Hạn chế chuyển nhượng	- Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. - Trường hợp người lao động đơn phương chấm dứt HĐLĐ hoặc bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trong thời gian trước khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản kết quả phát hành cổ phiếu ESOP, Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện thu hồi lại toàn bộ số cổ phiếu được phát hành của thành viên này và xử lý như trường hợp thành viên ESOP không mua hết theo Điều 11 của Quy chế phát hành. Các trường hợp NLD chuyển công tác hoặc chấm dứt HĐLĐ khác trong thời gian trên, NLD vẫn thực hiện quyền mua cổ phiếu ESOP theo danh sách đã được phê duyệt

<p>15. Phương thức xử lý số cổ phiếu các thành viên ESOP không mua hết theo danh sách</p>	<p>Trường hợp kết thúc đợt chào bán đầu tiên, số lượng cổ phiếu không được các Cán bộ, NLD và các thành viên HĐQT, BKS có tên trong Danh sách được mua cổ phần do HĐQT thông qua mua hết, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT phân bổ cho các thành viên ESOP có nguyện vọng đăng ký mua thêm với giá là 10.000 đồng/cổ phiếu</p>
<p>16. Các vấn đề khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông thông qua chương trình lựa chọn và kế hoạch phát hành cho người lao động. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty không được biểu quyết thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phiếu; - Hội đồng quản trị thông qua quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP trong đó quy định tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện; <p>Hội đồng quản trị thông qua thực hiện phương án phát hành</p>

Biểu quyết: Các thành viên HĐQT đã thảo luận và biểu quyết thông qua toàn bộ nội dung về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na với số phiếu biểu quyết tán thành là: **05/05 phiếu** – Đạt tỷ lệ **100% phiếu tán thành**.

2. Thông qua quy chế phát hành cổ phiếu, Danh sách và số lượng cổ phiếu chào bán theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (đính kèm Danh sách và Quy chế).

Biểu quyết: Các thành viên HĐQT đã thảo luận và biểu quyết thông qua quy chế phát hành cổ phiếu, Danh sách và số lượng cổ phiếu chào bán theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na với số phiếu biểu quyết tán thành là: **05/05 phiếu** – Đạt tỷ lệ **100% phiếu tán thành**.

3. Thông qua Hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (sau đây gọi tắt là “Hồ sơ

9743
 3 TY
 HÂN
 ĐIỆ
 NA
 T. N

ESOP”), đồng thời nộp hồ sơ ESOP đăng ký với Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN) theo đúng quy định của pháp luật.

Biểu quyết: Các thành viên HĐQT đã thảo luận và biểu quyết thông qua Hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na với số phiếu biểu quyết tán thành là: **05/05 phiếu** – Đạt tỷ lệ **100% phiếu tán thành**.

4. Thông qua nội dung ủy quyền cho Người đại diện theo Pháp luật của Công ty

Ông Hoàng Xuân Thành- Chủ tịch HĐQT trình bày đề xuất nội dung Giao cho Người đại diện theo Pháp luật Công ty thực hiện các công việc triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động như sau:

Giao Giám đốc, trên cơ sở phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được Hội đồng Quản trị thông qua, quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục liên quan đến việc phát hành, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Tổ chức thực hiện phương án phát hành đã được phê duyệt, thực hiện các thủ tục pháp lý để báo cáo phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bao gồm nhưng không giới hạn việc bổ sung, chỉnh sửa phương án (bao gồm những nội dung đã được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019) theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán nhà nước và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Quyết định thời điểm thông báo mua cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được phê duyệt.

- Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động sau khi hoàn thành phương án.

Biểu quyết: Các thành viên HĐQT đã thảo luận và biểu quyết thông qua nội dung ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo Pháp luật của Công ty thực hiện các công việc triển khai chi tiết với số phiếu biểu quyết tán thành là: **05/05 phiếu** – Đạt tỷ lệ **100% phiếu tán thành**.

5. Biên bản cuộc họp và tổ chức thực hiện:

- HĐQT giao Thư ký Công ty soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng quản trị trên cơ sở các kết luận của cuộc họp, trình Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết để làm cơ sở thực hiện.

- Biên bản lập vào hồi 11h00’ cùng ngày, Biên bản đã được đọc lại toàn văn và các thành viên Hội đồng quản trị đã nhất trí thông qua nội dung Biên bản bằng việc ký tên dưới đây.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ NGƯỜI ĐƯỢC THÀNH VIÊN
HDQT ỦY QUYỀN VÀ THƯ KÝ CUỘC HỌP KÝ TÊN

Chủ tịch HDQT



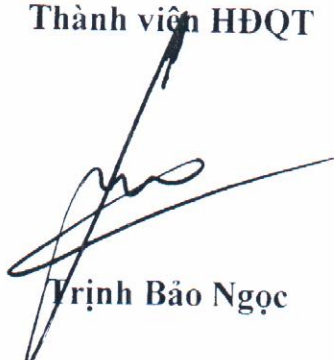

Hoàng Xuân Thành

Thư ký cuộc họp



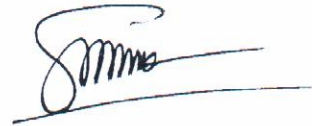
Hoàng Văn Tuấn

Thành viên HDQT



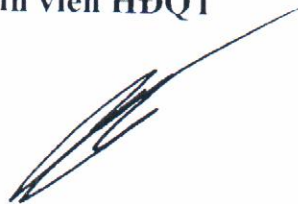
Trịnh Bảo Ngọc

Thành viên HDQT



Nguyễn Xuân Sơn

Thành viên HDQT



Lê Hải Long

Thành viên HDQT



Vũ Văn Tâm

Số: 10 /NQ-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 02 tháng 03 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động và tổ chức của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
- Căn cứ Công văn số 342/ĐLDK-ĐTXD ngày 27/02/2020 của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02/3/2020 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua triển khai Phương án phát hành 10.000.000 cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019, chi tiết như sau:

1. Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na
2. Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành	225.659.210 cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	225.659.210 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	10.000.000 cổ phiếu
7. Tỷ lệ phát hành/khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,43%
8. Đợt phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động gần nhất	Không có
9. Giá phát hành	Giá phát hành áp dụng theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Thông tư số 162/2015TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ tài chính, cụ thể: Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

	<p>Căn cứ tính giá:</p> <p>Giá trị sổ sách cổ phiếu HNA tại thời điểm 30/09/2019 là: 11.511 đồng/cổ phiếu (lấy theo báo cáo tài chính quý 3/2019)</p> <p>Thị giá của cổ phiếu HNA (Upcom) tính đến hết ngày 31/10/2019 dao động ở mức (tính trung bình giá đóng cửa): 12.195 đồng/cổ phiếu</p> <p>Với những phương pháp tính giá nêu trên đều cho kết quả giá trị cổ phiếu lớn hơn hoặc bằng mệnh giá cổ phiếu (10.000 đồng/cổ phiếu). Tuy nhiên đây là phát hành ESOP, để khích lệ và tạo sự gắn bó của Cán bộ, NLD và nâng cao khả năng phát hành thành công, HĐQT đề xuất ĐHCĐ thông qua mức giá chào bán cho Cán bộ, NLD là 10.000 đồng/ cổ phiếu.</p>
10. Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá	100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng)
11. Đối tượng phát hành	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, NLD của Công ty và các thành viên HĐQT, BKS Công ty theo tiêu chí và danh sách được HĐQT phê duyệt. - ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt tiêu chí và danh sách Cán bộ, NLD, thành viên HĐQT, BKS được mua cổ phiếu chính thức.
12. Thời gian thực hiện dự kiến	Trong Quý I/2020 sau khi được UBCKNN chấp thuận.
13. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	Không được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu
14. Hạn chế chuyển nhượng	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. - Trường hợp người lao động đơn phương chấm dứt HĐLĐ hoặc bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trong thời gian trước khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản kết quả phát hành cổ phiếu ESOP, Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện thu hồi lại toàn bộ số cổ phiếu được phát hành của thành viên này và xử lý như trường hợp thành viên ESOP không mua hết theo Điều 11 của Quy chế phát hành.



	<ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp NLD chuyển công tác hoặc chấm dứt HĐLĐ khác trong thời gian trên, NLD vẫn thực hiện quyền mua cổ phiếu ESOP theo danh sách đã được phê duyệt
<p>15. Phương thức xử lý số cổ phiếu các thành viên ESOP không mua hết theo danh sách</p>	<p>Trường hợp kết thúc đợt chào bán đầu tiên, số lượng cổ phiếu không được các Cán bộ, NLD và các thành viên HĐQT, BKS có tên trong Danh sách được mua cổ phần do HĐQT thông qua mua hết, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT phân bổ cho các thành viên ESOP có nguyện vọng đăng ký mua thêm với giá là 10.000 đồng/cổ phiếu</p>
<p>16. Các vấn đề khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông thông qua chương trình lựa chọn và kế hoạch phát hành cho người lao động. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty không được biểu quyết thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phiếu; - Hội đồng quản trị thông qua quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP trong đó quy định tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện; - Hội đồng quản trị thông qua thực hiện phương án phát hành

17430 -
 TY
 HỮU
 HẠN
 ĐIỆN
 HỮU
 NGHỆ

Điều 2: Thông qua quy chế phát hành cổ phiếu, Danh sách và số lượng cổ phiếu chào bán theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (*dính kèm Danh sách và Quy chế*).

Điều 3: Thông qua Hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (sau đây gọi tắt là “Hồ sơ ESOP”), đồng thời nộp hồ sơ ESOP đăng ký với Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN) theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4: Thông qua nội dung ủy quyền cho Người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Giao Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na, trên cơ sở phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được Hội đồng Quản trị thông qua, quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục liên quan đến việc phát hành, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Tổ chức thực hiện phương án phát hành đã được phê duyệt, thực hiện các thủ tục pháp lý để báo cáo phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bao gồm nhưng không giới hạn việc bổ sung, chỉnh sửa phương án (bao gồm những nội dung đã được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019) theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán nhà nước và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Quyết định thời điểm thông báo mua cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được phê duyệt.

- Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động sau khi hoàn thành phương án.

Điều 5: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 6: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Thành



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

PHƯƠNG ÁN

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO
NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

*(Kèm theo Nghị quyết số 10 /NQ-HHC-HĐQT ngày 02/03/2020 của
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na*



MỤC LỤC

1. Căn cứ pháp lý	2
2. Mục đích phát hành cổ phiếu.....	2
3. Các nguyên tắc của đợt phát hành	2
4. Phương án chi tiết	3
5. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	5
6. Đăng ký giao dịch và đăng ký chứng khoán bổ sung.....	5
7. Các nội dung ủy quyền:.....	5

0:29
CỔ
CỔ
HU
HU
PH

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán và Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na.

2. Mục đích phát hành cổ phiếu

Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na với mục đích sau:

- Bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc, lãi vay ngân hàng đến hạn, thanh toán các khoản chi phí sản xuất kinh doanh, chi trả nợ khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và một số khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ hậu tái định cư còn lại;
- Ghi nhận sự đóng góp của người lao động làm việc tại Công ty. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng người lao động, tạo động lực thúc đẩy, tăng hiệu quả làm việc, gắn bó lâu dài với Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- Gắn hiệu quả làm việc với lợi ích chung và sự phát triển của Công ty, thu hút và giữ chân những người lao động giỏi, giàu năng lực, kinh nghiệm.

3. Các nguyên tắc của đợt phát hành

Việc chào bán cổ phần được thực hiện thống nhất bằng tiền đồng Việt Nam;

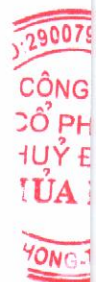
- Tổng số cổ phiếu phát hành theo chương trình trong mỗi mười hai (12) tháng không được vượt quá năm phần trăm (5%) số cổ phần đang lưu hành của công ty;
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua chương trình lựa chọn và kế hoạch phát hành cho người lao động. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty không được tham gia biểu quyết thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;

4. Phương án chi tiết

1. Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na
2. Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành	225.659.210 cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	225.659.210 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	10.000.000 cổ phiếu
7. Tỷ lệ phát hành/khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,43%
8. Đợt phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động gần nhất	Không có
9. Giá phát hành	<p>Giá phát hành áp dụng theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Thông tư số 162/2015TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ tài chính, cụ thể:</p> <p>Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</p> <p>Căn cứ tính giá:</p> <p>Giá trị sổ sách cổ phiếu HNA tại thời điểm 30/09/2019 là: 11.511 đồng/cổ phiếu (lấy theo báo cáo tài chính quý 3/2019)</p> <p>Thị giá của cổ phiếu HNA (Upcom) tính đến hết ngày 31/10/2019 dao động ở mức (tính trung bình giá đóng cửa): 12.195 đồng/cổ phiếu</p> <p>Với những phương pháp tính giá nêu trên đều cho kết quả giá trị cổ phiếu lớn hơn hoặc bằng mệnh giá cổ phiếu (10.000 đồng/cổ phiếu). Tuy nhiên đây là phát hành ESOP, để khích lệ và tạo sự gắn bó lâu dài của Cán bộ, người lao động và nâng cao khả năng phát hành thành công, HĐQT đề xuất ĐHCĐ thông qua mức giá chào bán cho Cán bộ, người lao động là 10.000 đồng/ cổ phiếu.</p>
10. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng)

1974
 G TY
 H A
 Đ I
 N
 T N

	<p>Căn cứ tính giá:</p> <p>Giá trị sổ sách cổ phiếu HNA tại thời điểm 30/09/2019 là: 11.511 đồng/cổ phiếu (lấy theo báo cáo tài chính quý 3/2019)</p> <p>Thị giá của cổ phiếu HNA (Upcom) tính đến hết ngày 31/10/2019 dao động ở mức (tính trung bình giá đóng cửa): 12.195 đồng/cổ phiếu</p> <p>Với những phương pháp tính giá nêu trên đều cho kết quả giá trị cổ phiếu lớn hơn hoặc bằng mệnh giá cổ phiếu (10.000 đồng/cổ phiếu). Tuy nhiên đây là phát hành ESOP, để khích lệ và tạo sự gắn bó của Cán bộ, NLD và nâng cao khả năng phát hành thành công, HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ thông qua mức giá chào bán cho Cán bộ, NLD là 10.000 đồng/ cổ phiếu.</p>
10. Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá	100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng)
11. Đối tượng phát hành	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, NLD của Công ty và các thành viên HĐQT, BKS Công ty theo tiêu chí và danh sách được HĐQT phê duyệt. - ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt tiêu chí và danh sách Cán bộ, NLD, thành viên HĐQT, BKS được mua cổ phiếu chính thức.
12. Thời gian thực hiện dự kiến	Trong Quý I/2020 sau khi được UBCKNN chấp thuận.
13. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	Không được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu
14. Hạn chế chuyển nhượng	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. - Trường hợp người lao động đơn phương chấm dứt HĐLĐ hoặc bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trong thời gian trước khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản kết quả phát hành cổ phiếu ESOP, Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện thu hồi lại toàn bộ số cổ phiếu được phát hành của thành viên này và xử lý như trường hợp thành viên ESOP không mua hết theo Điều 11 của Quy chế phát hành.



11. Đối tượng phát hành	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, người lao động của Công ty và các thành viên HĐQT, BKS Công ty theo tiêu chí và danh sách được HĐQT phê duyệt. - ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt tiêu chí và danh sách Cán bộ, người lao động, thành viên HĐQT, BKS được mua cổ phiếu chính thức.
12. Thời gian thực hiện dự kiến	Trong Quý IV/2019 và Quý I/2020 sau khi được ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành và ủy quyền cho HĐQT thực hiện.
13. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	Không được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu
14. Hạn chế chuyển nhượng	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. - Trường hợp người lao động đơn phương chấm dứt HĐLĐ hoặc bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trong thời gian trước khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản kết quả phát hành cổ phiếu ESOP, Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện thu hồi lại toàn bộ số cổ phiếu được phát hành của thành viên này và xử lý như trường hợp thành viên ESOP không mua hết theo danh sách quy định tại mục 4.15 - Các trường hợp NLĐ chuyển công tác hoặc chấm dứt HĐLĐ khác trong thời gian trên, NLĐ vẫn thực hiện quyền mua cổ phiếu ESOP theo danh sách đã được phê duyệt
15. Phương thức xử lý số cổ phiếu các thành viên ESOP không mua hết theo danh sách	Trường hợp kết thúc đợt chào bán đầu tiên, số lượng cổ phiếu không được Cán bộ, NLĐ và các thành viên HĐQT, BKS có tên trong Danh sách được mua cổ phần do HĐQT thông qua mua hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân bổ cho các thành viên ESOP có nguyện vọng đăng ký mua thêm với giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

30
V
T
N
A
GH

16. Các vấn đề khác	<ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông thông qua chương trình lựa chọn và kế hoạch phát hành cho người lao động. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty không được biểu quyết thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phiếu; - Hội đồng quản trị thông qua quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP trong đó quy định tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện; - Hội đồng quản trị thông qua thực hiện phương án phát hành.
---------------------	--

5. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

- Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 100.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng như sau:
 - + Thanh toán các khoản nợ gốc và lãi vay ngân hàng;
 - + Chi trả thanh toán cho các khoản chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - + Chi trả nợ khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành;
 - + Thanh toán một số khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ hậu tái định cư còn lại.
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân bổ vốn, điều chỉnh và/hoặc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

6. Đăng ký giao dịch và đăng ký chứng khoán bổ sung

Đăng ký giao dịch và đăng ký chứng khoán bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành.

7. Các nội dung ủy quyền:

ĐHĐCĐ của CTCP Thủy điện Hòa Na ủy quyền cho HĐQT Công ty:

- Thực hiện thủ tục cần thiết để triển khai việc chào bán cổ phiếu nêu trên theo đúng các quy định của pháp luật;
- Bổ sung hoặc sửa đổi phương án để đăng ký phát hành cổ phiếu với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền (Sở Kế hoạch và Đầu tư/UBCKNN) nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và thông qua Phương án phát hành chi tiết;

- Lựa chọn thời gian thực hiện phát hành/chào bán cổ phiếu, đảm bảo tối ưu hóa lợi ích của cổ đông và Công ty cũng như khả năng thành công của đợt phát hành;
- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Thủy điện Hủa Na theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm sau khi hoàn tất đợt chào bán;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký giao dịch và đăng ký chứng khoán bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An sau khi hoàn tất đợt chào bán.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Handwritten signature

Hoàng Xuân Thành

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA



QUY CHẾ

**THỰC HIỆN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH
LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG CÔNG TY**

*Ban hành theo Nghị quyết số 10 /NQ-HHC-HĐQT ngày 02/03/2020 của
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na*

Nghệ An, tháng năm 2020



MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Mục đích.....	1
Điều 2. Đối tượng, tiêu chuẩn áp dụng.....	1
Điều 3. Định nghĩa và viết tắt.	1
CHƯƠNG II CHƯƠNG TRÌNH ESOP	2
Điều 4. Số lượng cổ phiếu phát hành.....	2
Điều 5. Loại cổ phiếu.....	2
Điều 6. Giá phát hành	2
Điều 7. Quyền lợi khi tham gia chương trình.	2
Điều 8. Phương pháp, tiêu chí xác định số lượng cổ phiếu từng người lao động được mua	3
Điều 9. Xác định số lượng cổ phiếu phát hành cho từng thành viên ESOP ..	4
Điều 10. Thời gian thực hiện.....	4
Điều 11. Thời gian thông báo và nộp tiền mua cổ phiếu	4
CHƯƠNG III HIỆU LỰC THI HÀNH	6
Điều 13. Hiệu lực thi hành.	6

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na với mục đích sau:

- Bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc, lãi vay ngân hàng đến hạn, thanh toán các khoản chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty chi trả nợ khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và một số khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ hậu tái định cư còn lại;
- Ghi nhận sự đóng góp của người lao động làm việc tại Công ty. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng người lao động, tạo động lực thúc đẩy, tăng hiệu quả làm việc, gắn bó lâu dài với Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- Gắn hiệu quả làm việc với lợi ích chung và sự phát triển của Công ty, thu hút và giữ chân những người lao động giỏi, giàu năng lực, kinh nghiệm.

Điều 2. Đối tượng, tiêu chuẩn áp dụng.

Quy chế này áp dụng đối với người lao động (thành viên ESOP), bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, các phó giám đốc, Kế toán trưởng;
- Cán bộ quản lý từ cấp Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, Quản đốc, phó quản đốc phân xưởng vận hành – sửa chữa trở lên;
- Người lao động có hợp đồng lao động với công ty từ 12 tháng trở lên có trong danh sách tại thời điểm 31/10/2019 (không bao gồm lao động trong thời gian thử việc).
- Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách.

Điều 3. Định nghĩa và viết tắt.

- ESOP (Employee Stock Ownership Plan): Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
- Công ty: Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na.
- HĐQT: Hội đồng Quản trị Công ty.
- BKS: Ban Kiểm soát Công ty.
- BGĐ: Ban Giám đốc Công ty.
- Ban lãnh đạo: Thành viên HĐQT chuyên trách, Thành viên BKS chuyên trách, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.
- CBQL: từ cấp Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Quản đốc, phó quản đốc phân xưởng vận hành – sửa chữa trở lên.
- NLĐ: Người lao động đang làm việc tại Công ty.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
- Thành viên ESOP: là thành viên được xét chọn tham gia chương trình ESOP theo quy định tại Điều 2.

CHƯƠNG II CHƯƠNG TRÌNH ESOP

Điều 4. Số lượng cổ phiếu phát hành

- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 225.659.210 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 225.659.210 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành 10.000.000 cổ phiếu (Mười triệu cổ phiếu) với tổng giá trị cổ phiếu theo mệnh giá là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).
- Tỷ lệ phát hành: 4,43%

Điều 5. Loại cổ phiếu

Là cổ phiếu phổ thông.

Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Điều 6. Giá phát hành

Giá phát hành áp dụng theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Thông tư số 162/2015/TT – BTC ngày 26/10/2015 của Bộ tài chính. Cụ thể là:

- Giá phát hành cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Căn cứ tính giá:
 - + Giá trị sổ sách cổ phiếu HNA tại thời điểm 30/09/2019 là: 11.511 đồng/cổ phiếu (lấy theo Báo cáo tài chính quý 3/2019);
 - + Thị giá của cổ phiếu HNA (Upcom) tính đến hết ngày 31/10/2019 dao động ở mức (tính trung bình giá đóng cửa): 12.195 đồng/cổ phiếu;
 - + Với những phương pháp tính giá nêu trên đều cho kết quả giá trị cổ phiếu lớn hơn hoặc bằng mệnh giá cổ phiếu (10.000 đồng/cổ phiếu). Tuy nhiên đây là phát hành ESOP, để khích lệ và tạo sự gắn bó lâu dài của Cán bộ, người lao động và nâng cao khả năng phát hành thành công, HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ thông qua mức giá chào bán cho Cán bộ, người lao động trong Công ty là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Điều 7. Quyền lợi khi tham gia chương trình.

Các thành viên ESOP sẽ được các quyền lợi sau:

- Được mua cổ phiếu tương ứng với các quy định tại Quy chế này;
- Được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông;

Trường hợp thành viên ESOP vi phạm theo các quy định tại Khoản 11.2 Điều 11 của Quy chế này sẽ bị xử lý thu hồi ngay lại quyền sở hữu cổ phiếu của chương trình ESOP.

Điều 8. Phương pháp, tiêu chí xác định số lượng cổ phiếu từng người lao động được mua

Các thành viên ESOP được tính toán phân phối cổ phiếu căn cứ vào các tiêu chí tổng hợp như sau:

1. Xác định hệ số tổng hợp theo cấp bậc, chức vụ và thâm niên công tác tương ứng:

a. Hệ số theo cấp bậc và chức vụ (H_{cd}):

Được xác định theo các hệ số tương ứng với chức danh công tác theo bảng chi tiết dưới đây:

Loại	Chức danh	Hệ số chức danh (H_{cd})
1	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc	5
2	UV HĐQT chuyên trách, Trưởng BKS chuyên trách, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng	4
3	Trưởng phòng, Quản đốc phân xưởng	3
4	Phó trưởng phòng, phó quản đốc phân xưởng, thư ký Công ty	2.5
5	Trưởng ca	2.2
6	Trưởng kíp, tổ trưởng, tổ phó, đội trưởng, đội phó bảo vệ	2
7	Chuyên viên, vận hành viên, sửa chữa, bảo vệ	1.8
8	Nhân viên lái xe, văn thư, thủ kho, thủ quỹ	1.5
9	Nhân viên y tế, lễ tân, tạp vụ, nấu ăn	1

(Bảng 1: Hệ số phân phối theo chức danh công tác)

b. Xác định thâm niên công tác tương ứng với chức vụ được giao (t_i):

Thâm niên công tác được tính theo số tháng làm việc thực tế tại Công ty tương ứng theo chức danh công việc đảm nhận từ khi bắt đầu làm việc cho đến ngày 31/10/2019 (được tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc đến thời điểm chốt danh sách chia cho 30 ngày).

c. Trên cơ sở đó xác định hệ số tổng hợp (thâm niên/chức vụ) của toàn bộ CB, NLD công ty (trừ các đối tượng thuộc Khoản 3 Điều này) và số cổ phiếu ESOP tương ứng với một đơn vị hệ số tổng hợp.

2. Phương thức phân phối số lượng cổ phiếu cho các thành viên ESOP:

Công thức tổng quát xác định số lượng cổ phiếu (SLCP) được phân phối được xác định như sau:

$$CP_i = \left[\frac{M}{\left(\sum_1^n Hcd_i * t_i \right)} \times (Hcd_i * t_i) \right] + T_i \quad (1) (*)$$

Trong đó:

- CP_i : SLCP được mua của thành viên thứ i (được làm tròn xuống đến hàng nghìn)
 - Hcd_i : Hệ số chức danh của thành viên thứ i
 - t_i : Thâm niên công tác tính theo tháng tương ứng với chức vụ được giao của thành viên thứ i
 - T_i : số lượng cổ phiếu thành viên thứ i được phân bổ thêm từ số cổ phiếu lẻ phát sinh
 - M : SLCP được phân phối sau khi trừ đi tổng số lượng cổ phiếu phân phối cho các đối tượng thuộc Khoản 3 Điều này
 - n : Số lượng thành viên tham gia chương trình
3. Thành viên HĐQT kiêm nhiệm phân bổ 70.000 cổ phiếu/người, Ban kiểm soát kiêm nhiệm phân bổ 50.000 cổ phiếu/người.

Điều 9. Xác định số lượng cổ phiếu phát hành cho từng thành viên ESOP

Căn cứ phương pháp, tiêu chí đã được quy định như trên, Danh sách thành viên ESOP, số lượng cổ phiếu phân phối cho từng thành viên ESOP được lập như Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Điều 10. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện dự kiến từ Quý I năm 2020 nhưng đảm bảo ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu của người lao động không quá bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo về đợt phát hành cổ phiếu ESOP.

Điều 11. Thời gian thông báo và nộp tiền mua cổ phiếu

1. Thời gian thông báo: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận đầy đủ báo cáo phát hành.
- Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu:
 - + Trong vòng 20 ngày kể từ ngày thông báo (đợt chào bán đầu tiên), các thành viên ESOP trong danh sách thực hiện nộp tiền mua cổ phiếu vào tài

khoản do Công ty chỉ định. Nếu hết thời hạn này mà thành viên ESOP không thực hiện mua hết số cổ phiếu được phân bổ thì xem như đã tự nguyện từ bỏ quyền mua số cổ phiếu còn lại.

+ Trong khoản thời gian từ ngày thứ 21 đến ngày thứ 35 (kể từ ngày UBCKNN thông báo) các thành viên ESOP tiến hành đăng ký mua số cổ phiếu chưa mua hết; Hội đồng quản trị Công ty căn cứ số lượng cổ phiếu chưa mua hết, số lượng cổ phiếu đăng ký mua mới này và các tiêu chí bổ sung để quyết định phân bổ số cổ phiếu cho mỗi người.

+ Từ ngày thứ 36 đến ngày thứ 45 những người được phân bổ mua mới này thực hiện nộp tiền vào tài khoản Công ty chỉ định.

+ Hết ngày thứ 45 (kể từ ngày UBCKNN thông báo), kết thúc đợt phát hành cổ phiếu ESOP.

2. Trường hợp người lao động đơn phương chấm dứt HĐLĐ hoặc bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trong thời gian trước khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản kết quả phát hành cổ phiếu ESOP, Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện thu hồi lại toàn bộ quyền được mua cổ phiếu của thành viên này xử lý như trường hợp thành viên ESOP không mua hết theo danh sách quy định tại mục trên.
- Các trường hợp NLD chuyển công tác hoặc chấm dứt HĐLĐ khác trong thời gian trên, NLD vẫn thực hiện quyền mua cổ phiếu ESOP theo danh sách đã được phê duyệt.

Điều 12. Nguyên tắc phân bổ số cổ phiếu đăng ký mua bổ sung.

12.1. Trường hợp các thành viên ESOP đăng ký mua bổ sung bằng hoặc không hết số cổ phiếu còn lại của đợt phát hành đầu tiên, thì Hội đồng quản trị sẽ phân bổ cho các thành viên ESOP đăng ký mua bổ sung đúng bằng số cổ phiếu từng thành viên đó đã đăng ký. Kết thúc đợt phát hành, số cổ phiếu không mua hết (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

12.2. Trường hợp các thành viên ESOP đăng ký mua bổ sung vượt số cổ phiếu còn lại của đợt phát hành đầu tiên, thì Hội đồng quản trị sẽ tiến hành phân bổ số cổ phiếu được mua thêm cho từng thành viên đăng ký mua bổ sung theo công thức:

Số cổ phiếu được mua thêm = số cổ phiếu đăng ký mua bổ sung của mỗi thành viên nhân (x) tỷ lệ giữa tổng số cổ phiếu chưa mua hết của đợt chào bán đầu tiên chia cho (:) tổng số cổ phiếu đăng ký mua bổ sung.

Hoặc căn cứ vào phương pháp, tiêu chí xác định số lượng cổ phiếu từng người lao động được mua quy định tại điều 8 Quy chế này để tiến hành tính toán phân bổ lại cho từng thành viên đăng ký mua bổ sung.

CHƯƠNG III
HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành.

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng Quản trị Công ty ký Nghị quyết/Quyết định ban hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có điểm chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, Giám đốc Công ty có trách nhiệm trình Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Thành

DANH SÁCH CBCNV CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA MUA CỔ PHIẾU ESOP

(Tại thời điểm 31/10/2019)

(Ban hành theo Nghị quyết số 10/NQ-HHC-HDQT ngày 02/03/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na)

TT	Họ tên	Bộ phận	Ngày vào công ty/ngày bổ nhiệm	Hệ số lương CB	PCCV	PCTN	HSL hiệu quả	Thâm niên theo ngày	Thâm niên theo tháng (Ti)	Hệ số chức danh (Hcdi)	Điểm (Hcdi*ti)	Tỷ lệ	CP đc mua theo tính toán	Số cổ phiếu được phân bổ, làm tròn xuống hàng nghìn	Số cổ phiếu lẻ được phân bổ thêm	Số cổ phiếu được mua
I	Hội đồng quản trị															
1	Hoàng Xuân Thành	CT HĐQT	24/05/2007	6,97	0	0	20	4543	151,43	5	628,40	0,030	288.309	288.000	12.000	300.000
		CT HĐQT	19/04/2018					560	18,67	5	93,33					
		Phó giám đốc	05/12/2014					1231	41,03	4,0	164,13					
		Kế toán trưởng	24/04/2007					2782	92,73	4,0	370,93					
2	Trịnh Bảo Ngọc	UV - GD	01/06/2007	6,64	0	0	20	4535	151,17	5	665,20	0,031	305.193	305.000	-5.000	300.000
		Giám đốc	10/11/2014					1816	60,53	5	302,67					
		Phó giám đốc	01/06/2007					2719	90,63	4,0	362,53					
3	Nguyễn Xuân Sơn	UV - PGĐ	20/08/2007	5,98	0	0	19	4455	148,50	4,0	485,50	0,023	222.747	222.000	3.000	225.000
		Phó giám đốc	12/04/2016					1297	43,23	4,0	172,93					
		TP.TCHC	01/03/2008					2964	98,80	3,0	296,40					
		PP.TCHC	20/08/2007					194	6,47	2,5	16,17					
4	Lê Hải Long	UV kiêm nhiệm	19/04/2018										70.000	70.000		70.000
		TV BKS kiêm nhiệm	01/01/2009													
5	Vũ Văn Tâm	UV kiêm nhiệm	19/04/2018										70.000	70.000		70.000
													0	0		
II	Ban Kiểm Soát															
6	Trần Thị Thu Hà	TBKS	15/06/2007	5,98	0	0	15	4521	150,70	4,0	316,99	0,015	145.436	145.000	5.000	150.000
		TBKS	19/04/2018					560	18,67	4,0	74,67					
		PP.TCKT	01/10/2017					200	6,67	2,5	16,67					
		Chuyên viên	15/06/2007					3761	125,37	1,8	225,66					
7	Văn Tuấn Thạch	TV kiêm nhiệm	07/06/2013										50.000	50.000		50.000
8	Phạm Thị Minh Tâm	TV kiêm nhiệm	19/04/2018										50.000	50.000		50.000
III	Ban lãnh đạo															
9	Trần Văn Biên	PGĐ	20/06/2007	6,31	0	0	19	4516	150,53	4,0	533,15	0,025	244.609	244.000	1.000	245.000
		Phó giám đốc	01/12/2011					2891	96,37	4,0	385,47					

TT	Họ tên	Bộ phận	Ngày vào công ty/ngày bổ nhiệm	Hệ số lương CB	PCCV	PCTN	HSL hiệu quả	Thâm niên theo ngày	Thâm niên theo tháng (Ti)	Hệ số chức danh (Hedi)	Điểm (Hedi*ti)	Tỷ lệ	CP đc mua theo tính toán	Số cổ phiếu được phân bổ, làm tròn xuống hàng nghìn	Số cổ phiếu lẻ được phân bổ thêm	Số cổ phiếu được mua
		TP.KTKT	01/10/2009					791	26,37	3	79,10					
		PP.KTKT	01/07/2007					823	27,43	2,5	68,58					
10	Bùi Huy Thành	PGĐ	18/06/2007	5,98	0	0	18	4518	150,60	4,0	420,71	0,020	193.020	193.000	9.000	202.000
		Phó giám đốc	10/08/2018					447	14,90	4,0	59,60					
		TP. Kỹ thuật	01/03/2012					2353	78,43	3	235,30					
		PP. Kỹ thuật	01/07/2009					974	32,47	2,5	81,17					
		Chuyên viên	18/06/2007					744	24,80	1,8	44,64					
11	Võ Trung Chính	KTT	01/08/2007	5,65	0	0	18	4474	149,13	4,0	441,50	0,021	202.561	202.000		202.000
		KTT	01/1/2015					1764	58,80	4,0	235,20					
		PP.TCKT	15/11/2009					1873	62,43	2,5	156,08					
		Chuyên viên	01/08/2007					837	27,90	1,8	50,22					
IV	Cán bộ CNV															
	Phòng TCHC															
12	Lê Công Đoàn	Phó phòng TCHC	01/06/2009	4,51	0,4	0	9	3804	126,80	2,5	297,49	0,014	136.490	136.000		136.000
		PP.TCHC	15/09/2011					2968	98,93	2,5	247,33					
		Chuyên viên	01/06/2009					836	27,87	1,8	50,16					
13	Mai Minh Sơn	Phó phòng phụ trách TCHC	10/11/2009	3,27	0,4	0	8	3642	121,40	2,5	248,62	0,012	114.065	114.000	6.000	120.000
		PPT.TCHC	01/09/2019					60	2,00	3,0	6,00					
		PP.TCHC	01/06/2016					1187	39,57	2,5	98,92					
		Chuyên viên	10/11/2009					2395	79,83	1,8	143,70					
14	Hoàng Văn Tuấn	Thư ký HDQT	17/03/2010	2,96	0	0	8	3515	117,17	2,5	275,07	0,013	126.200	126.000		126.000
		Thư ký HDQT	20/04/2012					2750	91,67	2,5	229,17					
		Chuyên viên	17/03/2010					765	25,50	1,8	45,90					
15	Phạm Ngọc Trung	NV	13/05/2009	2,96	0	0	6	3823	127,43	1,8	229,38	0,011	105.239	105.000		105.000
16	Trần Thị Vân	NV	01/01/2015	4,51	0	0	3	1764	58,80	1,8	105,84	0,005	48.559	48.000		48.000
17	Lê Thị Hạnh	NV	05/07/2007	3,27	0	0	5	4501	150,03	1,8	270,06	0,013	123.903	123.000		123.000
18	Nguyễn Quý Phi	Nhân viên	10/06/2012	2,57	0	0	4,5	2699	89,97	1,8	138,21	0,006	63.411	63.000		63.000
		Lái xe	10/06/2012					2373	79,10	1,5	118,65					
		Nhân viên	09/12/2018					326	10,87	1,8	19,56					
19	Nguyễn Đình Dũng	Lái xe	01/06/2010	3,05	0	0	4,5	3439	114,63	1,5	171,95	0,008	78.890	78.000		78.000
20	Trần Quốc Tú	Lái xe	20/01/2011	3,05	0	0	3	3206	106,87	1,5	160,3	0,008	73.545	73.000		73.000

TT	Họ tên	Bộ phận	Ngày vào công ty/ngày bổ nhiệm	Hệ số lương CB	PCCV	PCTN	HSL hiệu quả	Thâm niên theo ngày	Thâm niên theo tháng (Ti)	Hệ số chức danh (Hcdi)	Điểm (Hcdi*ti)	Tỷ lệ	CP đc mua theo tính toán	Số cổ phiếu được phân bổ, làm tròn xuống hàng nghìn	Số cổ phiếu lẻ được phân bổ thêm	Số cổ phiếu được mua
21	Nguyễn Thế Hải	Lái xe	22/04/2009	3,05	0	0	3	3844	128,13	1,5	192,2	0,009	88.181	88.000		88.000
22	Hồ Thị Huyền	Văn thư	20/03/2010	1,89	0	0	4	3512	117,07	1,5	175,6	0,008	80.565	80.000		80.000
23	Vì Thị Hồng Nhất	Văn thư	13/06/2011	2,37	0	0	4	3062	102,07	1,5	153,1	0,007	70.242	70.000		70.000
24	Phan Thị Hà	Tạp vụ	09/03/2015	2,94	0	0	3	1697	56,57	1,5	84,85	0,004	38.929	38.000		38.000
25	Tăng Thị Trang	Lễ tân	22/12/2014	1,72	0	0	4	1774	59,13	1	59,13	0,003	27.130	27.000		27.000
26	Hồ Thị Hiền	tạp vụ	23/11/2007	1,72	0	0	4	4360	145,33	1	145,33	0,007	66.679	66.000		66.000
27	Lô Thu Hiền	Nấu ăn	15/08/2011	1,72	0	0	4	2999	99,97	1	99,97	0,005	45.865	45.000		45.000
28	Nguyễn Thị Huệ	Y tế	15/02/2016	1,56	0	0	4	1354	45,13	1	45,13	0,002	20.707	20.000		20.000
29	Đinh Thị Thuận	Nấu ăn	01/03/2017	1,56	0	0	4	974	32,47	1	32,47	0,002	14.896	14.000		14.000
30	Phan Đình Thắng	Lái xe	01/05/2017	2,34	0	0	4	913	30,43	1,5	45,65	0,002	20.944	20.000		20.000
31	Đoàn Văn Tuyển	Lái xe	01/11/2018	2,57	0	0	4,5	364	12,13	1,5	18,2	0,001	8.350	8.000	2.000	10.000
32	Trần Danh Lâm	Lái xe	01/07/2012	2,48	0	0	4	2678	89,27	1,5	133,9	0,006	61.433	61.000		61.000
	Phòng TCKT												0			
33	Dương Anh Minh	PP TCKT	01/05/2018	5,6	0,4	0	5	548	18,27	2,5	45,67	0,002	20.952	20.000	5.000	25.000
34	Nguyễn Ph. Mạnh Hiền	PP TCKT	25/09/2009	2,96	0,4	0	8	3688	122,93	2,5	261,51	0,012	119.979	119.000	1.000	120.000
		PP TCKT	10/02/2015					1724	57,47	2,5	143,67					
		Chuyên viên	25/09/2009					1964	65,47	1,8	117,84					
35	Nguyễn Đình Tuấn	NV	15/06/2007	2,96	0	0	5	4521	150,70	1,8	271,26	0,013	124.454	124.000		124.000
36	Hồ Thị Lam	NV	08/09/2015	2,37	0	0	4	1514	50,47	1,8	90,84	0,004	41.677	41.000		41.000
37	Hồ Thị Thắm	NV	01/07/2007	2,65	0	0	4,5	4505	150,17	1,8	270,3	0,013	124.013	124.000		124.000
	Phòng Kinh tế Kế hoạch												0			
38	Đoàn Văn Trường	Trưởng phòng KTKH	07/09/2009	3,58	0,4	0	12	3706	123,53	3	296,01	0,014	135.807	135.000	1.000	136.000
		Phó phòng phụ trách	05/10/2018					391	13,03	3	39,10					
		Phó phòng	15/12/2011					2486	82,87	2,5	207,17					
		Chuyên viên	07/09/2009					829	27,63	1,8	49,74					
39	Lê Huy Hải	Phó phòng	07/04/2009	3,27	0,4	0	9,5	3859	128,63	3	314,37	0,015	144.234	144.000	2.000	146.000
		PP. KTKH	10/02/2010					3550	118,33	2,5	295,83					
		chuyên viên	07/04/2009					309	10,30	1,8	18,54					
40	Trương Công Khánh	Phó phòng KTKH	16/05/2007	3,27	0,4	0	8	4551	151,70	2,5	320,82	0,015	147.193	147.000	-1.000	146.000
		PP.KTKH	10/08/2018					447	14,90	2,5	37,25					

TT	Họ tên	Bộ phận	Ngày vào công ty/ngày bổ nhiệm	Hệ số lương CB	PCCV	PCTN	HSL hiệu quả	Thâm niên theo ngày	Thâm niên theo tháng (Ti)	Hệ số chức danh (Hcdi)	Điểm (Hcdi*ti)	Tỷ lệ	CP đc mua theo tính toán	Số cổ phiếu được phân bổ, làm tròn xuống hàng nghìn	Số cổ phiếu lẻ được phân bổ thêm	Số cổ phiếu được mua
		<i>chuyên viên KTKH</i>	01/02/2016					921	30,70	1,8	55,26					
		<i>Phó ban đường dây</i>	15/09/2011					1600	53,33	2,5	133,33					
		<i>Chuyên viên</i>	16/05/2007					1583	52,77	1,8	94,98					
41	Trần Thị Bạch Dương	NV	05/02/2009	2,96	0	0	5	3920	130,67	1,8	235,2	0,011	107.909	107.000		107.000
42	Hồ Hữu Tân	NV	01/09/2009	3,89	0	0	5	3712	123,73	1,8	222,72	0,010	102.184	102.000		102.000
43	Triệu Hùng Dương	NV	15/03/2015	3,27	0	0	5	1691	56,37	1,8	101,46	0,005	46.550	46.000		46.000
44	Lê Hồng Công	NV	01/11/2018					364	12,13	1,8	21,84	0,001	10.020	10.000		10.000
	Phòng đên bù												0			
45	Vũ Đình Tuấn	TP.GPMB	01/08/2007	3,27	0,5	0	13	4474	149,13	3	399,20	0,019	183.151	183.000	-1.000	182.000
		<i>TP.GPMB</i>	15/01/2012					2846	94,87	3	284,60					
		<i>PP.GPMB</i>	20/01/2010					725	24,17	2,5	60,42					
		<i>chuyên viên</i>	01/08/2007					903	30,10	1,8	54,18					
46	Nguyễn Hồng Quang	NV	15/03/2009	2,96	0	0	5	3882	129,40	1,8	232,92	0,011	106.863	106.000		106.000
47	Bùi Ngọc Thiêm	NV	06/10/2010	2,44	0	0	4,5	3312	110,40	1,8	198,72	0,009	91.172	91.000		91.000
48	Hồ Thị Thủy	NV	01/01/2009	3,27	0	0	4	3955	131,83	1,8	237,3	0,011	108.873	108.000		108.000
49	Phan Đình Hà	NV	10/06/2012	2,34	0	0	4	2699	89,97	1,8	161,94	0,008	74.298	74.000		74.000
	Bảo vệ												0			
50	Lê Bá Long	Tổ trưởng BV	07/11/2007	4,2	0	0,3	5,5	4376	145,87	2	278,98	0,013	127.996	127.000		127.000
		<i>Tổ trưởng BV</i>	01/02/2013					2463	82,10	2	164,20					
		<i>BV</i>	07/11/2007					1913	63,77	1,8	114,78					
51	Nguyễn Thanh Đức	BV	17/05/2011	2,4	0	0	3,5	3089	102,97	1,8	185,34	0,009	85.034	85.000		85.000
52	Nguyễn Xuân Đại	BV	15/06/2010	2,4	0	0	3,5	3425	114,17	1,8	205,5	0,010	94.283	94.000		94.000
53	La Văn Tuấn	BV	01/03/2010	2,72	0	0	3,5	3531	117,70	1,8	211,86	0,010	97.201	97.000		97.000
54	Hoàng Văn Vũ	BV	10/06/2012	2,4	0	0	3,5	2699	89,97	1,8	161,94	0,008	74.298	74.000		74.000
55	Trần Văn Thăng	BV	10/07/2012	2,4	0	0	3,5	2669	88,97	1,8	160,14	0,008	73.472	73.000		73.000
56	Trần Văn Hội	BV	01/07/2009	2,4	0	0	3,5	3774	125,80	1,8	226,44	0,011	103.890	103.000		103.000
57	Phạm Đức Thủy	BV	15/06/2013	2,4	0	0	3,5	2329	77,63	1,8	139,74	0,007	64.113	64.000		64.000
58	Hà Thanh Nguyên	Vận hành	18/03/2013	2,86	0	0	3,5	2418	80,60	1,8	145,08	0,007	66.563	66.000		66.000
59	Nguyễn Thanh Hương	Vận hành	04/07/2012	2,86	0	0	3,5	2675	89,17	1,8	160,5	0,008	73.637	73.000		73.000
60	Lê Anh Tú	Sửa chữa	01/09/2012	2,48	0	0	4	2616	87,20	1,8	169,3933	0,008	77.717	77.000		77.000
		<i>Sửa chữa</i>	12/03/2018					598	19,93	1,8	35,88					

TT	Họ tên	Bộ phận	Ngày vào công ty/ngày bổ nhiệm	Hệ số lương CB	PCCV	PCTN	HSL hiệu quả	Thâm niên theo ngày	Thâm niên theo tháng (Ti)	Hệ số chức danh (Hcdi)	Điểm (Hcdi*ti)	Tỷ lệ	CP đc mua theo tính toán	Số cổ phiếu được phân bổ, làm tròn xuống hàng nghìn	Số cổ phiếu lẻ được phân bổ thêm	Số cổ phiếu được mua
		<i>Đội phó BV</i>	01/02/2013					1865	62,17	2	124,33					
		<i>BV</i>	01/09/2012					153	5,10	1,8	9,18					
61	Nguyễn Quốc Khánh	Sửa chữa	15/06/2013	2,48	0	0	3,5	2329	77,63	1,8	139,74	0,007	64.113	64.000		64.000
62	Nguyễn Phụng Long	Sửa chữa	01/03/2016	2,48	0	0	3,5	1339	44,63	1,8	80,34	0,004	36.860	36.000		36.000
		Phòng Kỹ thuật											0			
63	Ngô Đăng Tiến	Trưởng Phòng KT-CN	01/12/2009	4,51	0,5	0	13	3621	120,70	3	360,10	0,017	165.213	165.000	2.000	167.000
		<i>TP.KT</i>	2/1/2014					2128	70,93	3	212,80					
		<i>TP.TBCN-CBSX</i>	20/01/2010					1443	48,10	3	144,30					
		<i>Chuyên viên</i>	01/12/2009					50	1,67	2	3,00					
64	Nguyễn Ngọc Hòa	Phó Phòng KT-CN	03/11/2009	4,51	0,4	0	9	3649	121,63	2,5	302,03	0,014	138.571	138.000		138.000
		<i>PP.KTCN</i>	01/09/2016					1155	38,50	3	96,25					
		<i>Phó quản đốc</i>	01/04/2013					1249	41,63	3	104,08					
		<i>Phó ban đường dây</i>	30/1/2010					1157	38,57	2,5	96,42					
		<i>chuyên viên</i>	03/11/2009					88	2,93	2	5,28					
65	Bùi Xuân Hoà	Phó Phòng KT-CN	01/05/2010	3,58	0,4	0	8	3470	115,67	2,5	266,93	0,013	122.467	122.000		122.000
		<i>PP.KT</i>	08/04/2013					2397	79,90	3	199,75					
		<i>Quản đốc</i>	28/01/2013					70	2,33	3	7,00					
		<i>chuyên viên</i>	01/05/2010					1003	33,43	2	60,18					
66	Thái Hữu Thu	Phó Quản Đốc VII-SC	01/07/2012	2,65	0,4	0	8,5	2678	89,27	2,5	192,60	0,009	88.365	88.000	2.000	90.000
		<i>Phó quản đốc</i>	01/02/2016					1368	45,60	3	114,00					
		<i>chuyên viên</i>	01/07/2012					1310	43,67	2	78,60					
67	Nguyễn Duy Long	Phó Quản Đốc	01/07/2012	2,65	0,4	0	8,5	2678	89,27	2,5	204,17	0,010	93.674	93.000		93.000
		<i>Phó quản đốc</i>	12/09/2016					1144	38,13	2,5	95,33					
		<i>Trưởng ca</i>	01/04/2013					1260	42,00	2,2	92,40					
		<i>chuyên viên</i>	01/07/2012					274	9,13	1,8	16,44					
68	Nguyễn Hải Long	Chuyên viên	01/09/2009	3,58	0	0	5	3712	123,73	1,8	222,72	0,010	102.184	102.000		102.000
69	Chu Quốc Doanh	Thủ kho	10/06/2012	2,34	0	0	4,5	2699	89,97	1,5	134,95	0,006	61.915	61.000		61.000
70	Vũ Đức Châu	Chuyên viên	10/02/2011	3,58	0	0	5	3185	106,17	1,8	191,1	0,009	87.676	87.000		87.000
71	Lê Duy Hải	Chuyên viên	01/04/2017	2,34	0	0	4	943	31,43	1,8	56,58	0,003	25.959	25.000		25.000

TT	Họ tên	Bộ phận	Ngày vào công ty/ngày bổ nhiệm	Hệ số lương CB	PCCV	PCTN	HSL hiệu quả	Thâm niên theo ngày	Thâm niên theo tháng (Ti)	Hệ số chức danh (Hcđi)	Điểm (Hcđi*ti)	Tỷ lệ	CP đc mua theo tính toán	Số cổ phiếu được phân bổ, làm tròn xuống hàng nghìn	Số cổ phiếu lẻ được phân bổ thêm	Số cổ phiếu được mua
72	Hà Duy Tuấn	Chuyên viên	01/10/2018	3,27	0	0	5	395	13,17	1,8	23,7	0,001	10.874	10.000		10.000
73	Nguyễn Thái Bình	Tr.C	01/07/2012	3,7	0	0	5,5	2678	89,27	2,2	192,73	0,009	88.426	88.000		88.000
		Tr.C	01/04/2013					2404	80,13	2,2	176,29					
		Vận hành	01/07/2012					274	9,13	1,8	16,44					
74	Trần Khắc Đồng	Tr.C	01/07/2012	3,7	0	0	5,5	2678	89,27	2,2	192,73	0,009	88.426	88.000	2.000	90.000
		Tr.C	01/04/2013					2404	80,13	2,2	176,29					
		Vận hành	01/07/2012					274	9,13	1,8	16,44					
75	Đặng Thanh Hưng	Tr.C	01/07/2012	3,4	0	0	5,5	2678	89,27	2,2	192,73	0,009	88.426	88.000		88.000
		Tr.C	01/04/2013					2404	80,13	2,2	176,29					
		Vận hành	01/07/2012					274	9,13	1,8	16,44					
76	Nguyễn Đình Hòa	Tr.C	01/07/2012	3,4	0	0	5,5	2678	89,27	2,2	191,92	0,009	88.053	88.000		88.000
		Tr.C	01/08/2013					2282	76,07	2,2	167,35					
		Tr.K	01/04/2013					122	4,07	2	8,13					
		Vận hành	01/07/2012					274	9,13	1,8	16,44					
77	Hoàng Tất Thế	Tr.C	01/07/2012	3,4	0	0	5,5	2678	89,27	2,2	191,92	0,009	88.053	88.000		88.000
		Tr.C	01/08/2013					2282	76,07	2,2	167,35					
		Tr.K	01/04/2013					122	4,07	2	8,13					
		Vận hành	01/07/2012					274	9,13	1,8	16,44					
78	Hoàng Văn Vũ (VH)	Tr.C	01/09/2012	3,4	0	0	5,5	2616	87,20	2,2	184,65	0,009	84.719	84.000		84.000
		Tr.C	15/01/2015					1750	58,33	2,2	128,33					
		Tr.K	01/04/2013					654	21,80	2,0	43,60					
		Vận hành	01/09/2012					212	7,07	1,8	12,72					
79	Võ Công Lương	Tr.K	01/09/2012	3,5	0	0	4	2616	87,20	2	172,99	0,008	79.366	79.000		79.000
		Tr.K	01/04/2013					2404	80,13	2	160,27					
		Vận hành	01/09/2012					212	7,07	1,8	12,72					
80	Võ Trọng Vinh	Tr.C	01/01/2009	3,17	0	0	4	3955	131,83	2,2	264,99	0,012	121.579	121.000		121.000
		Tr.C	15/01/2015					1750	58,33	2,2	128,33					
		Tr.K	01/04/2013					654	21,80	2	43,60					
		Vận hành	01/01/2009					1551	51,70	1,8	93,06					
81	Trần Đình Dương	Tr.K	01/10/2012	3,17	0	0	4	2586	86,20	2	170,37	0,008	78.167	78.000		78.000
		Tr.K	01/08/2013					2282	76,07	2	152,13					
		Vận hành	01/10/2012					304	10,13	1,8	18,24					

TT	Họ tên	Bộ phận	Ngày vào công ty/ngày bổ nhiệm	Hệ số lương CB	PCCV	PCTN	HSL hiệu quả	Thâm niên theo ngày	Thâm niên theo tháng (Ti)	Hệ số chức danh (Hcdi)	Điểm (Hcdi*ti)	Tỷ lệ	CP đc mua theo tính toán	Số cổ phiếu được phân bổ, làm tròn xuống hàng nghìn	Số cổ phiếu lẻ được phân bổ thêm	Số cổ phiếu được mua
82	Tô Xuân Minh	Tr.K	01/10/2012	3,17	0	0	4	2586	86,20	2	170,37	0,008	78.167	78.000		78.000
		Tr.K	01/08/2013					2282	76,07	2	152,13					
		Vận hành	01/10/2012					304	10,13	1,8	18,24					
83	Nguyễn Đình Chung	Tr.K	01/10/2012	3,5	0	0	4	2586	86,20	2	170,37	0,008	78.167	78.000		78.000
		Tr.K	01/08/2013					2282	76,07	2	152,13					
		Vận hành	01/10/2012					304	10,13	1,8	18,24					
84	Phan Xuân Nam	Tr.K	01/11/2012	3,17	0	0	4	2555	85,17	2	160,93	0,008	73.833	73.000		73.000
		Tr.K	12/09/2016					1144	38,13	2	76,27					
		Vận hành	01/11/2012					1411	47,03	1,8	84,66					
85	Trần Đình Dũng	Vận hành	10/07/2012	3,17	0	0	3,5	2669	88,97	1,8	160,14	0,008	73.472	73.000		73.000
86	Sầm Văn Thuận	Vận hành	01/09/2012	3,17	0	0	3,5	2616	87,20	1,8	156,96	0,007	72.013	72.000		72.000
87	Đình Thế Hữu	Vận hành	01/11/2012	2,86	0	0	3,5	2555	85,17	1,8	153,3	0,007	70.334	70.000		70.000
88	Trần Trọng Luân	Vận hành	01/11/2012	3,17	0	0	3,5	2555	85,17	1,8	153,3	0,007	70.334	70.000		70.000
89	Cao Thanh Việt	Vận hành	01/11/2012	2,86	0	0	3,5	2555	85,17	1,8	153,3	0,007	70.334	70.000		70.000
90	Trịnh Xuân Hùng	Vận hành	01/11/2012	2,86	0	0	3,5	2555	85,17	1,8	153,3	0,007	70.334	70.000		70.000
91	Nguyễn Văn Dân	Vận hành	01/11/2012	2,86	0	0	3,5	2555	85,17	1,8	153,3	0,007	70.334	70.000		70.000
92	Võ Đình Chiến	Vận hành	01/11/2012	2,86	0	0	3,5	2555	85,17	1,8	153,3	0,007	70.334	70.000		70.000
93	Nguyễn Hữu An	Vận hành	01/11/2012	2,86	0	0	3,5	2555	85,17	1,8	153,3	0,007	70.334	70.000		70.000
94	Hồ Đạt Đạo	Vận hành	01/11/2012	3,17	0	0	3,5	2555	85,17	1,8	153,3	0,007	70.334	70.000		70.000
95	Lương Quốc Chung	Vận hành	01/11/2012	2,86	0	0	3,5	2555	85,17	1,8	153,3	0,007	70.334	70.000		70.000
96	Bùi Duy Long	Vận hành	01/11/2012	2,86	0	0	3,5	2555	85,17	1,8	153,3	0,007	70.334	70.000		70.000
97	Hồ Xuân Khoa	Vận hành	01/11/2012	3,17	0	0	3,5	2555	85,17	1,8	153,3	0,007	70.334	70.000		70.000
98	Lương Văn Tú	Vận hành	01/11/2012	2,86	0	0	3,5	2555	85,17	1,8	153,3	0,007	70.334	70.000		70.000
99	Đặng Văn Ngân	Vận hành	15/06/2013	3,17	0	0	3,5	2329	77,63	1,8	139,74	0,007	64.113	64.000		64.000
100	Đặng Đức Hường	Vận hành	01/10/2012	2,86	0	0	3,5	2586	86,20	1,8	155,16	0,007	71.187	71.000		71.000
101	Lê Trọng Thủy	Tổ trưởng TĐ	01/11/2012	2,92	0	0,3	5,5	2555	85,17	2	168,21	0,008	77.176	77.000		77.000
		Tổ trưởng	15/09/2013					2237	74,57	2	149,13					
		SC	01/11/2012					318	10,60	1,8	19,08					
102	Phạm Công Thành	Tổ phó CK	01/10/2012	2,92	0	0,3	5,5	2586	86,20	2	170,37	0,008	78.167	78.000		78.000
		tổ phó	01/08/2013					2282	76,07	2	152,13					
		SC	01/10/2012					304	10,13	1,8	18,24					
103	Đặng Văn Hùng	Tổ phó TĐ	01/10/2012	2,92	0	0,3	5,5	2586	86,20	2	168,55	0,008	77.332	77.000		77.000

TT	Họ tên	Bộ phận	Ngày vào công ty/ngày bổ nhiệm	Hệ số lương CB	PCCV	PCTN	HSL hiệu quả	Thâm niên theo ngày	Thâm niên theo tháng (Ti)	Hệ số chức danh (Hcdi)	Điểm (Hcdi*ti)	Tỷ lệ	CP đc mua theo tính toán	Số cổ phiếu được phân bổ, làm tròn xuống hàng nghìn	Số cổ phiếu lẻ được phân bổ thêm	Số cổ phiếu được mua
		tổ phó	01/05/2014					2009	66,97	2	133,93					
		SC	01/10/2012					577	19,23	1,8	34,62					
104	Trần Hữu Công	Tổ trưởng CK	01/10/2012	2,92	0	0,3	5,5	2586	86,20	2	170,07	0,008	78.029	78.000		78.000
		Tổ trưởng	15/09/2013					2237	74,57	2	149,13					
		SC	01/10/2012					349	11,63	1,8	20,94					
105	Trần Văn Hiếu	SC	15/06/2013	2,48	0	0	4	2329	77,63	1,8	139,74	0,007	64.113	64.000		64.000
106	Lê Như Lai	SC	10/12/2013	3,45	0	0	4	2151	71,70	1,8	129,06	0,006	59.213	59.000		59.000
107	Nguyễn Cảnh Hòa	SC	01/01/2014	2,48	0	0	4	2129	70,97	1,8	127,74	0,006	58.607	58.000		58.000
108	Nguyễn Hàm Chung	SC	15/06/2013	2,48	0	0	4	2329	77,63	1,8	139,74	0,007	64.113	64.000		64.000
109	Nguyễn Văn Cường	SC	18/03/2013	2,48	0	0	3,5	2418	80,60	1,8	145,08	0,007	66.563	66.000		66.000
110	Nguyễn Duy Cường	SC	18/03/2013	2,48	0	0	4	2418	80,60	1,8	145,08	0,007	66.563	66.000		66.000
111	Quang Văn Trúc	SC	18/03/2013	2,48	0	0	3,5	2418	80,60	1,8	145,08	0,007	66.563	66.000		66.000
112	Phan Đình Quyền	SC	01/08/2015	2,48	0	0	3,5	1552	51,73	1,8	93,12	0,004	42.723	42.000		42.000
113	Nguyễn Đình Đắc	SC	15/06/2013	2,48	0	0	3,5	2329	77,63	1,8	139,74	0,007	64.113	64.000		64.000
114	Trần Văn Lâm	SC	01/07/2018	2,48	0	0	3	487	16,23	1,8	29,22	0,001	13.406	13.000		13.000
115	Trần Thị Bích Đào	SC	15/06/2013	2,48	0	0	3,5	2329	77,63	1,8	139,74	0,007	64.113	64.000		64.000
116	Phan Văn Linh	KTCN (mới tuyển)	01/12/2018					334	11,13	1,8	20,04	0,001	9.194	9.000	1.000	10.000
117	Nguyễn Thị Thu Hằng	TCKT (mới tuyển)	01/01/2019					303	10,10	1,8	18,18	0,001	8.341	8.000	2.000	10.000
	Tổng cộng										21.272,95	1,000	10.000.000	9.951.000	49.000	10.000.000

